UBND TỈNH ĐỒNG NAI **TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 54 /TB-ĐHĐN	*Đồng Nai, ngày 9 tháng 01 năm 2024*

THÔNG BÁO

Danh sách sinh viên sinh viên đại học chính quy khóa 10, khóa 11, khóa 12, khóa 13 nợ học phí, tiền thư viện, tiền vệ sinh, tiền bảo hiểm y tế, học kỳ I, năm học 2023-2024 (đến thời điểm kết thúc ngày 31/12/2023)

Ngày 21/09/2023, Trường Đại học Đồng Nai có Thông báo số 1638/TB-ĐHĐN thu học phí, các khoản thu ngoài học phí học kỳ 1, năm học 2023-2024 đối với sinh viên đại học chính quy khóa 10, khóa 11 và khóa 12.

Ngày 29/11/2023, Trường Đại học Đồng Nai có Thông báo số 2086/TB-ĐHĐN gia hạn thời gian đóng học phí, các khoản thu ngoài học phí học kỳ 1, năm học 2023-2024 đối với sinh viên đại học chính quy khóa 10, khóa 11 và khóa 12. Thời hạn đóng học phí, các khoản ngoài học phí hết ngày 15/12/2023.

Theo báo cáo của Phòng Kế hoạch - Tài chính cập nhật, rà soát tổng hợp tiền đóng học phí, tiền thư viện, tiền vệ sinh đến hết ngày 31/12/2023 vẫn còn **184 sinh viên chưa đóng học phí, tiền thư viện, tiền vệ sinh với tổng số tiền 739.5600.000 đồng** và **578 sinh viên chưa đóng tiền bảo hiểm y tế** với **tổng số tiền 393.271.200 đồng**. Cụ thể:

- Khoa Kinh tế còn **48** sinh viên chưa đóng học phí, tiền thư viện, tiền vệ sinh và **131** sinh viên chưa nộp tiền bảo hiểm y tế.
- Khoa Ngoại ngữ còn **106** sinh viên chưa đóng học phí, tiền thư viện, tiền vệ sinh và **243** sinh viên chưa nộp tiền bảo hiểm y tế.
- Khoa Tiểu học Mầm non còn **13** sinh viên chưa đóng tiền thư viện, tiền vệ sinh và **94** sinh viên chưa nộp tiền bảo hiểm y tế.
- Khoa khoa học sư phạm xã hội còn **8** sinh viên chưa đóng tiền thư viện, tiền vệ sinh và **59** sinh viên chưa nộp tiền bảo hiểm y tế.
- Khoa khoa học sư phạm tự nhiên còn **5** sinh viên chưa đóng tiền thư viện, tiền vệ sinh và **33** sinh viên chưa nộp tiền bảo hiểm y tế.
- Khoa Tổng hợp còn **4** sinh viên chưa đóng tiền thư viện, tiền vệ sinh và **18** sinh viên chưa nộp tiền bảo hiểm y tế.

(Kèm theo danh sách sinh viên nợ học phí, tiền thư viện, tiền vệ sinh, tiền bảo hiểm y tế năm học 2023-2024).

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/04/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy, tại Điều 4 Quy chế có quy định *"Nhiệm vụ của sinh viên đóng học phí, bảo hiểm y tế đầy đủ, đúng thời hạn. Trường hợp cố tình cố tình chậm nộp hoặc*

không nộp học phí, bảo hiểm y tế theo quy định của nhà trường mà không có lý do chính đáng tùy theo mức độ, xử lý nhắc nhở, khiển trách đến buộc thôi học". Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai có ý kiến như sau:

- Các Khoa nhắc nhở sinh viên chấp hành nộp đầy đủ học phí, tiền thư viện, tiền vệ sinh và tiền bảo hiểm y tế theo thông báo của nhà trường.

- Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với Phòng Công tác sinh viên, Phòng Đào tạo, các Khoa và cố vấn học tập mời các sinh viên làm rõ nguyên nhân, lý do chưa đóng đầy đủ các khoản tiền theo thông báo của nhà trường (nêu trên). Trường hợp sinh viên cố tình không đóng tiền thì đề xuất hình thức xử lý theo quy định.

Thời gian thực hiện hoàn thành việc rà soát sinh viên nợ tiền học phí, tiền thư viện, tiền vệ sinh và tiền bảo hiểm y tế chậm nhất vào ngày 26/01/2024.

Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai đề nghị các đơn vị liên quan thực hiện đúng nội dung trên./.

Nơi nhận:
- Các khoa có sinh viên theo học;
- Phòng Đào tạo;
- Phòng CTSV;
- Phòng KHTC;
- Sinh viên các khóa 10,11,12, 13;
- Đăng Website Trường ĐHĐN;
- Lưu VT, KHTC (Tuấn).

HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Anh Đức

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

DANH SÁCH SINH VIÊN NỢ HỌC PHÍ, TIỀN THƯ VIỆN, TIỀN VỆ SINH
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2023-2024 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 10+11+12+13
TẠI THỜI ĐIỂM HẾT NGÀY 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng

STT	MSSV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Khóa	Còn nợ sau ngày 31/12/2023	Tên khoản nợ	Tình trạng SV
1	1204010094	Nguyễn Thùy Phương Linh	Nữ	16/11/2002	DH10NKTA	Kế toán	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
2	1204010100	Nguyễn Nhật Khánh Ly	Nữ	16/10/2002	DH10NKTA	Kế toán	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
3	1204010146	Bùi Thị Xuân Quỳnh	Nữ	05/09/2002	DH10NKTA	Kế toán	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
4	1204010233	Trần Bảo Hiếu	Nam	24/05/2002	DH10NKTA	Kế toán	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
5	1204010039	Trần Thị Quỳnh Giang	Nữ	27/03/2002	DH10NKTB	Kế toán	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
6	1204010079	Trần Nguyễn Mỹ Hương	Nữ	16/06/2002	DH10NKTB	Kế toán	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
7	1204010183	Lê Trần Minh Thư	Nữ	24/03/2002	DH10NKTB	Kế toán	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
8	1204010204	Đào Vi Trúc	Nữ	07/02/2002	DH10NKTC	Kế toán	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
9	1204010065	Trần Vũ Khánh Hòa	Nữ	27/12/2002	DH10NKTD	Kế toán	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
10	1204040001	Lê Ngọc Duy Anh	Nam	04/05/2002	DH10NMT1	Khoa học môi trường	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
11	1204040003	Nguyễn Ngọc Lan	Nữ	30/09/2002	DH10NMT1	Khoa học môi trường	Khóa 10	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học

STT	MSSV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Khóa	Còn nợ sau ngày 31/12/2023	Tên khoản nợ	Tình trạng SV
12	1184030203	Huỳnh Kim Tiên	Nữ	07/09/2000	DH10NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
13	1204030125	Tống Thị Tuyết Ngân	Nữ	30/12/2002	DH10NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
14	1204030014	Hoàng Thị Ngọc ánh	Nữ	13/10/2002	DH10NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
15	1204030225	Ngô Thị Phương Trinh	Nữ	20/01/2002	DH10NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
16	1204030051	Nguyễn Cao Đạt	Nam	26/04/2001	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
17	1204030063	Trịnh Bùi Thanh Hà	Nữ	25/09/2002	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
18	1204030142	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	Nữ	07/03/2002	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
19	1204030154	Lê Thị Phượng	Nữ	02/07/2002	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
20	1204030232	Đoàn Thị Thanh Vân	Nữ	13/02/2002	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
21	1204030123	Nguyễn Thanh Ngân	Nữ	03/06/2002	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
22	1204030136	Nguyễn Tiến Minh Nhật	Nam	12/05/2002	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
23	1204030190	Phan Quốc Thiện	Nam	18/02/2002	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
24	1204030214	Nguyễn Thị Kiều Trang	Nữ	09/01/2002	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
25	1204030058	Thiều Ngọc Giàu	Nữ	28/02/2002	DH10NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học

STT	MSSV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Khóa	Còn nợ sau ngày 31/12/2023	Tên khoản nợ	Tình trạng SV
26	1204030094	Nguyễn Huỳnh Quỳnh Hươn	Nữ	14/01/2002	DH10NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
27	1204030100	Vũ Anh Khoa	Nam	22/07/2002	DH10NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
28	1204030131	Phạm Bảo Ngọc	Nam	22/04/2002	DH10NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
29	1204030149	Trần Tâm Như	Nữ	19/11/2002	DH10NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
30	1204030191	Huỳnh Thị Kim Thoa	Nữ	16/03/2002	DH10NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
31	1204030222	Lê Minh Triết	Nam	10/11/2002	DH10NNAD	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
32	1194030106	Nguyễn Văn Huy	Nam	27/08/1994	DH10NNAE	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
33	1204030084	Lê Mạnh Hùng	Nam	11/06/2002	DH10NNAE	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
34	1204030120	Chu Thị Thảo Ngân	Nữ	09/04/2002	DH10NNAE	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
35	1204030012	Trần Thị Kim Anh	Nữ	09/03/2002	DH10NNAF	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
36	1204030200	Trần Anh Thư	Nữ	08/03/2002	DH10NNAF	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
37	1204030218	Châu Hoàng Bảo Trân	Nữ	23/02/2002	DH10NNAF	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
38	1204030127	Trương Thị Bích Ngân	Nữ	08/02/2002	DH10NNAF	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	700.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
39	1204050010	Trần Thị Uyên Thư	Nữ	21/02/2001	DH10NQD1	Quản lý đất đai	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học

STT	MSSV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Khóa	Còn nợ sau ngày 31/12/2023	Tên khoản nợ	Tình trạng SV
40	1204050007	Nguyễn Hoàng Phượng	Nữ	09/08/2002	DH10NQD1	Quản lý đất đai	Khóa 10	360.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
41	1204020033	Hoàng Duy Đông	Nam	10/01/2000	DH10NQKA	Quản trị kinh doanh	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
42	1204020057	Đinh Trung Hiếu	Nam	24/11/2002	DH10NQKA	Quản trị kinh doanh	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
43	1204020153	Trần Ngọc Thịnh Phát	Nam	17/11/2002	DH10NQKA	Quản trị kinh doanh	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
44	1204020223	Nguyễn Minh Trí	Nam	11/11/2002	DH10NQKA	Quản trị kinh doanh	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
45	1204020022	Đàm Thị Thùy Dung	Nữ	02/09/2002	DH10NQKB	Quản trị kinh doanh	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
46	1204020094	Nguyễn Thanh Liêm	Nam	06/03/2002	DH10NQKB	Quản trị kinh doanh	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
47	1204020140	Nguyễn Ngọc Nhung	Nữ	09/10/2002	DH10NQKB	Quản trị kinh doanh	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
48	1204020142	Phạm Thị Tuyết Nhung	Nữ	25/09/2002	DH10NQKB	Quản trị kinh doanh	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
49	1204020179	Trần Minh Thành	Nam	18/01/2002	DH10NQKB	Quản trị kinh doanh	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
50	1204020023	Nguyễn Thị Thảo Dung	Nữ	17/09/2002	DH10NQKC	Quản trị kinh doanh	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
51	1204020008	Trần Thế Anh	Nam	18/07/2002	DH10NQKD	Quản trị kinh doanh	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
52	1204020012	Nguyễn Thiên ân	Nam	15/01/2002	DH10NQKD	Quản trị kinh doanh	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
53	1204020015	Đinh Bằng	Nam	01/11/2002	DH10NQKD	Quản trị kinh doanh	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học

STT	MSSV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Khóa	Còn nợ sau ngày 31/12/2023	Tên khoản nợ	Tình trạng SV
54	1204020104	Nguyễn Thị Luyến	Nữ	11/10/2001	DH10NQKD	Quản trị kinh doanh	Khóa 10	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
55	1201080002	Võ Lê Hoàng	Nam	28/10/2002	DH10SSU1	Sư phạm Lịch sử	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
56	1201080008	Lê Thanh Ngân	Nữ	23/09/2002	DH10SSU1	Sư phạm Lịch sử	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
57	1201120160	Bạch Xuân Triều	Nam	16/09/2001	DH10STAA	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
58	1201120038	Ngô Khả Hân	Nữ	03/09/2002	DH10STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
59	1201120046	Bùi Nguyễn Như Hòa	Nữ	12/03/2002	DH10STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
60	1201120121	Nguyễn Vân Quỳnh	Nữ	16/02/2002	DH10STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
61	1201120079	Vũ Hồ Quang Minh	Nam	13/10/2002	DH10STAC	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
62	1201120083	Đỗ Nhất Nam	Nam	27/11/2002	DH10STAC	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
63	1201120095	Nguyễn Thảo Nguyên	Nữ	17/06/2002	DH10STAC	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
64	1201120012	Phan Tuấn Anh	Nam	16/11/2002	DH10STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
65	1201120048	Nguyễn Bá Hoàng	Nam	03/04/2002	DH10STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
66	1201120080	Đỗ Thị Hà My	Nữ	10/11/2002	DH10STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
67	1201120112	Nguyễn Diệu Minh Phương	Nữ	05/05/2002	DH10STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học

STT	MSSV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Khóa	Còn nợ sau ngày 31/12/2023	Tên khoản nợ	Tình trạng SV
68	1201070178	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	23/12/2001	DH10STHC	Giáo dục Tiểu học	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
69	1201070198	Trần Thị Kim Nga	Nữ	20/03/2002	DH10STHC	Giáo dục Tiểu học	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
70	1201070005	Trần Kiều Phương An	Nữ	02/03/2002	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
71	1201070392	Đỗ Thị Phương Trinh	Nữ	27/11/2002	DH10STHG	Giáo dục Tiểu học	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
72	1201010011	Đặng Ngọc Duy	Nam	26/04/2002	DH10STOA	Sư phạm Toán học	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
73	1201010013	Bùi Đình Tiến Đạt	Nam	13/11/2002	DH10STOA	Sư phạm Toán học	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
74	1201010015	Phan Lương Giang	Nam	09/03/2002	DH10STOA	Sư phạm Toán học	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
75	1201010071	Nguyễn Đức Trí	Nam	16/02/2002	DH10STOA	Sư phạm Toán học	Khóa 10	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
76	1214010025	Võ Thị Thùy Hoa	Nữ	11/29/2003	DH11NKTA	Kế toán	Khóa 11	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
77	1214010035	Nguyễn Hạ Thùy Linh	Nữ	05/01/2003	DH11NKTA	Kế toán	Khóa 11	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
78	1214010117	Nguyễn Thị Thúy Ngân	Nữ	05/12/2003	DH11NKTA	Kế toán	Khóa 11	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
79	1214010112	Cao Nguyễn Tường Vy	Nữ	04/03/2002	DH11NKTB	Kế toán	Khóa 11	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
80	1214030006	Nguyễn Ngọc Phương Anh	Nữ	28/10/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
81	1214030016	Võ Hồng ân	Nữ	03/04/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học

STT	MSSV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Khóa	Còn nợ sau ngày 31/12/2023	Tên khoản nợ	Tình trạng SV
82	1214030036	Bùi Bạch Dương	Nữ	05/09/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
83	1214030041	Nguyễn Phát Huy Đạt	Nam	04/01/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
84	1214030046	Nguyễn Thị Thu Giang	Nữ	21/04/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
85	1214030051	Phạm Gia Hào	Nam	22/11/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
86	1214030056	Nguyễn Hoàng Ngọc Hân	Nữ	12/01/2002	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
87	1214030066	Trần Minh Hiếu	Nam	29/07/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
88	1214030088	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	29/06/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
89	1214030096	Lê Quang Minh	Nam	29/08/1999	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
90	1214030101	Thái Việt Mỹ	Nam	19/11/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
91	1214030111	Phạm Nguyễn Ngọc Ngân	Nữ	31/08/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
92	1214030141	Trần Thị Kim Oanh	Nữ	02/09/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
93	1214030146	Mạch Ngọc Nguyên Phước	Nam	09/02/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
94	1214030155	Hồ Nguyễn Diễm Quỳnh	Nữ	27/05/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
95	1214030186	Lê Đỗ Đan Thuỳ	Nữ	26/01/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học

STT	MSSV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Khóa	Còn nợ sau ngày 31/12/2023	Tên khoản nợ	Tình trạng SV
96	1214030189	Lê Thị Hồng Thủy	Nữ	14/11/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
97	1214030191	Đặng Hà Anh Thư	Nữ	02/05/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
98	1214030206	Nguyễn Ngọc Trang	Nữ	30/03/2002	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
99	1214030211	Vũ Nguyễn Bảo Trâm	Nữ	29/11/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
100	1214030216	Nguyễn Hoàng Phương Trin	Nữ	25/10/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
101	1214030221	Trương Yến Trúc	Nữ	05/06/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
102	1214030231	Phan Nguyễn Tố Uyên	Nữ	19/07/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
103	1214030251	Thái Hoàng Yến	Nữ	25/03/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
104	1214030241	Nguyễn Thảo Vy	Nữ	15/08/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.125.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
105	1214030086	Nguyễn Hoàng Hoài Linh	Nữ	28/10/2003	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
106	1214030052	Phạm Thị Thanh Hằng	Nữ	20/12/2003	DH11NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
107	1214030102	Trương Nguyễn Gia Mỹ	Nữ	21/10/2003	DH11NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
108	1214030147	Nguyễn Đăng Thiên Phước	Nam	14/06/2003	DH11NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
109	1214030232	Trần Hà Bảo Uyên	Nữ	20/11/2003	DH11NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học

STT	MSSV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Khóa	Còn nợ sau ngày 31/12/2023	Tên khoản nợ	Tình trạng SV
110	1214030242	Nguyễn Thị Thảo Vy	Nữ	15/09/2002	DH11NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
111	1214030222	Lê Minh Trường	Nam	08/10/2003	DH11NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
112	1214030043	Hồ Thị Xuân Đình	Nữ	09/08/2003	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
113	1214030093	Lê Thị Hồng Lợi	Nữ	04/06/2003	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
114	1214030029	Cao Huỳnh Hiền Diệu	Nữ	16/03/2003	DH11NNAD	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
115	1214030149	Nguyễn Ngọc Uyên Phương	Nữ	31/10/2003	DH11NNAD	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
116	1214030204	Lưu Huyền Trang	Nữ	06/01/2003	DH11NNAD	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
117	1214030209	Lê Thị Thanh Trâm	Nữ	17/11/2003	DH11NNAD	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
118	1214030019	Võ Văn Bằng	Nam	14/05/2003	DH11NNAD	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
119	1214030055	Huỳnh Gia Hân	Nữ	24/09/2003	DH11NNAE	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
120	1214030185	Nguyễn Ngọc Thuận	Nữ	21/06/2003	DH11NNAE	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
121	1214020096	Ngô Bảo Lâm	Nam	01/10/2003	DH11NQKA	Quản trị kinh doanh	Khóa 11	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
122	1214020231	Phạm Minh Thư	Nữ	10/03/2003	DH11NQKA	Quản trị kinh doanh	Khóa 11	5.200.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
123	1204020224	Phạm Thị Ngọc Trinh	Nữ	11/01/2002	DH11NQKB	Quản trị kinh doanh	Khóa 11	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học

STT	MSSV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Khóa	Còn nợ sau ngày 31/12/2023	Tên khoản nợ	Tình trạng SV
124	1214020119	Phạm Thị ánh Mỹ	Nữ	04/08/2003	DH11NQKB	Quản trị kinh doanh	Khóa 11	5.200.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
125	1214020202	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	20/10/2003	DH11NQKB	Quản trị kinh doanh	Khóa 11	5.200.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
126	1214020282	Keooudone Chanthavy	Nữ	24/05/2000	DH11NQKC	Quản trị kinh doanh	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
127	1214020190	Nguyễn Thành Tài	Nam	20/04/2003	DH11NQKE	Quản trị kinh doanh	Khóa 11	5.200.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
128	1211060008	Ngô Thành Đạt	Nam	05/01/2003	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
129	1211060021	Trần Nguyễn Gia Linh	Nữ	10/07/2003	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
130	1211060052	Nguyễn Thảo Vy	Nữ	26/12/2003	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
131	1211120105	Lê Hoài Nhi	Nữ	31/03/2003	DH11STAA	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
132	1211120133	Trần Lệ Như Quỳnh	Nữ	21/01/2003	DH11STAA	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
133	1211120134	Trần Như Quỳnh	Nữ	18/11/2003	DH11STAA	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
134	1211120169	Nguyễn Ngọc Minh Thư	Nữ	02/10/2003	DH11STAA	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
135	1211120106	Lê Thị Ngọc Nhi	Nữ	25/11/2003	DH11STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
136	1211120130	Bùi Thị Diễm Quỳnh	Nữ	24/08/2003	DH11STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
137	1211120190	Nguyễn Quang Uy	Nam	04/01/2003	DH11STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học

STT	MSSV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Khóa	Còn nợ sau ngày 31/12/2023	Tên khoản nợ	Tình trạng SV
138	1201070071	Thái Đặng Phát Đạt	Nam	06/02/2002	DH11STHA	Giáo dục Tiểu học	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
139	1211070085	Võ Thùy Dương	Nữ	30/08/2003	DH11STHE	Giáo dục Tiểu học	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
140	1211070426	Hồ Thị Thu Thảo	Nữ	06/02/2003	DH11STHE	Giáo dục Tiểu học	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
141	1211070328	Tôn Nguyễn Tuyết Nhi	Nữ	27/10/2003	DH11STHH	Giáo dục Tiểu học	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
142	1211070348	Tôn Nữ Quỳnh Như	Nữ	08/02/2003	DH11STHH	Giáo dục Tiểu học	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
143	1211070370	Nguyễn Ngọc Phương	Nữ	07/04/2003	DH11STHJ	Giáo dục Tiểu học	Khóa 11	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
144	1224010007	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	30/08/2004	DH12NKTA	Kế toán	Khóa 12	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
145	1224010013	Nguyễn Vũ Thiên ân	Nữ	07/03/2004	DH12NKTA	Kế toán	Khóa 12	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
146	1224010079	Võ Thị Hồng Nhiên	Nữ	05/12/2004	DH12NKTA	Kế toán	Khóa 12	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
147	1224010157	Đặng Thị Mai Hạnh	Nữ	28/07/2004	DH12NKTD	Kế toán	Khóa 12	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
148	1224010172	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	22/07/2004	DH12NKTD	Kế toán	Khóa 12	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
149	1224010187	Quách Trương Vân Long	Nữ	16/11/2004	DH12NKTD	Kế toán	Khóa 12	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
150	1224010190	Nguyễn Mậu Tiến Hùng	Nam	08/02/2004	DH12NKTD	Kế toán	Khóa 12	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
151	1224030013	Phạm Vũ Thụy Anh	Nữ	24/03/2004	DH12NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học

STT	MSSV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Khóa	Còn nợ sau ngày 31/12/2023	Tên khoản nợ	Tình trạng SV
152	1224030064	Nguyễn Ngọc Linh	Nữ	05/04/2004	DH12NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
153	1224030100	Khương Thanh Quản	Nam	16/10/2004	DH12NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
154	1224030121	Mai Quỳnh Thư	Nữ	07/03/2004	DH12NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
155	1224030014	Trần Quỳnh Anh	Nữ	07/04/2004	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
156	1224030020	Lê Gia Bảo	Nam	19/05/2004	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
157	1224030065	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	25/07/2004	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
158	1224030074	Nguyễn Thảo My	Nữ	15/09/2004	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
159	1224030080	Đỗ Ngọc Trúc Ngân	Nữ	26/04/2004	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
160	1224030101	Lê Tú Quyên	Nữ	23/04/2004	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
161	1224030107	Nguyễn Hồng Tuyền	Nữ	27/01/2004	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
162	1224030116	Nguyễn Duy Thông	Nam	29/12/2004	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
163	1224030146	Nguyễn Hoàng Phi Yến	Nữ	01/03/2004	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
164	1224030140	Nguyễn Thị Thúy Vy	Nữ	25/09/2004	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	4.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
165	1224030071	Trần Ngọc Phương Mai	Nữ	21/08/2004	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	300.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học

STT	MSSV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Khóa	Còn nợ sau ngày 31/12/2023	Tên khoản nợ	Tình trạng SV
166	1214030164	Đỗ Quang Tâm	Nam	02/02/2003	DH12NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
167	1224030081	Lê Gia Ngân	Nữ	29/10/2004	DH12NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
168	1224030114	Vũ Thị Thanh Thảo	Nữ	07/09/2004	DH12NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	5.825.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
169	1224030144	Trần Ngọc Như ý	Nữ	16/03/2004	DH12NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	5.825.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
170	1224020077	Nguyễn Phan Khánh Linh	Nữ	20/02/2004	DH12NQKA	Quản trị kinh doanh	Khóa 12	5.200.000	2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
171	1224020108	Nguyễn Hoài Thanh Nhã	Nữ	12/08/2004	DH12NQKA	Quản trị kinh doanh	Khóa 12	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
172	1224020213	Huỳnh Ngọc Trong	Nam	23/01/2004	DH12NQKA	Quản trị kinh doanh	Khóa 12	5.200.000	2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
173	1224020174	Bùi Xuân Thành	Nam	03/09/2004	DH12NQKB	Quản trị kinh doanh	Khóa 12	5.200.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
174	1224020222	Lại Ngọc Thảo Vân	Nữ	17/09/2004	DH12NQKB	Quản trị kinh doanh	Khóa 12	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
175	1224020164	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nữ	20/08/2004	DH12NQKD	Quản trị kinh doanh	Khóa 12	5.200.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
176	1224020176	Lê Thị Thanh Thảo	Nữ	17/10/2004	DH12NQKD	Quản trị kinh doanh	Khóa 12	5.200.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
177	1221060011	Phạm Minh Huân	Nam	07/09/2004	DH12SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 12	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
178	1221060017	Đinh Phạm Cẩm Ly	Nữ	09/02/2004	DH12SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 12	1.000.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
179	1221080010	Lê Thị Mỹ Tâm	Nữ	22/08/2004	DH12SSU1	Sư phạm Lịch sử	Khóa 12	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học

STT	MSSV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Khóa	Còn nợ sau ngày 31/12/2023	Tên khoản nợ	Tình trạng SV
180	1221070103	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Nữ	27/02/2004	DH12STHA	Giáo dục Tiểu học	Khóa 12	1.000.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện	Còn học
181	1221070011	Lê Quốc Bảo	Nam	22/03/2004	DH12STHB	Giáo dục Tiểu học	Khóa 12	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
182	1221070140	Phạm Nguyễn Tố Trâm	Nữ	07/12/2003	DH12STHB	Giáo dục Tiểu học	Khóa 12	1.000.000	2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
183	1221010003	Vũ Hoàng Tuấn Anh	Nam	07/06/2004	DH12STO1	Sư phạm Toán học	Khóa 12	1.000.000	2023-2024-HK01: Lệ phí thư viện; 2023-2024-HK01: Học phí; 2023-2024-HK01: Lệ phí vệ sinh	Còn học
184	1234030147	Nguyễn Hoàng Việt	Nam	06/12/2005	DH13NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 13	4.825.000	2023-2024-HK01: Học phí	Còn học
TỔNG NỢ								**739.560.000**		

Ngày 09 tháng 01 năm 2024

Người lập

Vũ Thị Huyền Trang

Phòng Kế hoạch - Tài chính

Lê Văn Tuấn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI
Phòng Kế hoạch - Tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA THAM GIA BẢO HIỂM Y TẾ

Stt	MSSV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Số điện thoại	Lớp	Ngành	Khóa	BHYT
1	1201020007	Phan Trung Kiên	Nam	05/04/2002	0392369075	DH10SHO1	Sư phạm Hóa học	Khóa 10	680.400
2	1201020014	Mai Thị Oanh	Nữ	01/10/2002	0585467301	DH10SHO1	Sư phạm Hóa học	Khóa 10	680.400
3	1201020018	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	11/01/2002	0783459005	DH10SHO1	Sư phạm Hóa học	Khóa 10	680.400
4	1201030012	Phạm Trọng ân	Nam	20/09/2002	0919080079	DH10SLY1	Sư phạm Vật lý	Khóa 10	680.400
5	1201030001	Nguyễn Đức Duy	Nam	16/05/2002	0353419043	DH10SLY1	Sư phạm Vật lý	Khóa 10	680.400
6	1201030002	Nguyễn Nhật Hào	Nam	07/09/2002	0338756100	DH10SLY1	Sư phạm Vật lý	Khóa 10	680.400
7	1201030004	Vũ Lê Phước Sang	Nam	22/02/1997	0333189799	DH10SLY1	Sư phạm Vật lý	Khóa 10	680.400
8	1201030006	Nguyễn Thị Ngọc Minh	Nữ	23/09/2002	0983130842	DH10SLY1	Sư phạm Vật lý	Khóa 10	680.400
9	1201030007	Bùi Vũ Bảo Quyên	Nữ	17/07/2002	0327413458	DH10SLY1	Sư phạm Vật lý	Khóa 10	680.400
10	1201030009	Trương Diễm Thương	Nữ	21/11/2002	0945876814	DH10SLY1	Sư phạm Vật lý	Khóa 10	680.400
11	12010101371	Đặng Ngọc Duy	Nam	26/04/2002	0908569594	DH10STOA	Sư phạm Toán học	Khóa 10	680.400
12	1201010061	Lê Công Thịnh	Nam	15/09/2002	0378996931	DH10STOA	Sư phạm Toán học	Khóa 10	680.400
13	1201010013	Bùi Đình Tiến Đạt	Nam	13/11/2002	0384488381	DH10STOA	Sư phạm Toán học	Khóa 10	680.400
14	1201010015	Phan Lương Giang	Nam	09/03/2002	0785605810	DH10STOA	Sư phạm Toán học	Khóa 10	680.400
15	1201010071	Nguyễn Đức Trí	Nam	16/02/2002	0385441413	DH10STOA	Sư phạm Toán học	Khóa 10	680.400
16	1201010033	Nguyễn Kim Ngân	Nữ	05/03/2002	0395016279	DH10STOA	Sư phạm Toán học	Khóa 10	680.400
17	1201010073	Trần Nguyễn Thu Trúc	Nữ	08/10/2002	0328815376	DH10STOA	Sư phạm Toán học	Khóa 10	680.400
18	1201010012	Võ Thị Xuân Đào	Nữ	25/05/2002	0909890990	DH10STOB	Sư phạm Toán học	Khóa 10	680.400
19	1201010018	Lương Văn Hậu	Nam	17/06/2002	0347337498	DH10STOB	Sư phạm Toán học	Khóa 10	680.400
20	1201010022	Trần Thị Bích Hồng	Nữ	17/05/2002	0523473843	DH10STOB	Sư phạm Toán học	Khóa 10	680.400
21	1201010034	Nguyễn Thị Bảo Ngân	Nữ	18/04/2002	0962390237	DH10STOB	Sư phạm Toán học	Khóa 10	680.400
22	1201010036	Lê Thị Yến Nhi	Nữ	11/08/2002	0338821253	DH10STOB	Sư phạm Toán học	Khóa 10	680.400
23	1201010038	Lê Thị Hồng Nhung	Nữ	15/08/2002	0326289747	DH10STOB	Sư phạm Toán học	Khóa 10	680.400
24	1201010068	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	27/07/2002	0981947606	DH10STOB	Sư phạm Toán học	Khóa 10	680.400
25	1201010070	Đặng Bảo Trân	Nữ	20/11/2002	0908122578	DH10STOB	Sư phạm Toán học	Khóa 10	680.400
26	1201010072	Vũ Minh Triết	Nam	18/02/2002	7523819064	DH10STOB	Sư phạm Toán học	Khóa 10	680.400
27	1211020020	Ngô Thị Minh Nguyệt	Nữ	17/09/2003	0328928952	DH11SHO1	Sư phạm Hóa học	Khóa 11	680.400
28	1211030009	Phạm Minh Nhật	Nam	18/09/2003	0375940734	DH11SLY1	Sư phạm Vật lý	Khóa 11	680.400
29	122870:294611	Nguyễn Thị Phương Thúy	Nữ	10/06/2003	0933681610	DH11STOA	Sư phạm Toán học	Khóa 11	680.400
30	1211010065	Phan Văn Tuấn	Nam	22/07/1994	0343173174	DH11STOA	Sư phạm Toán học	Khóa 11	680.400
31	1211010045	Trần Bảo Ngọc	Nữ	25/02/2003	0394632587	DH11STOB	Sư phạm Toán học	Khóa 11	680.400

32	1211010038	Tạ Lộc Chang My	Nữ	29/05/2003	0971040231	DH11STOB	Sư phạm Toán học	Khóa 11	680.400
33	1221030021	Lê Minh Triết	Nam	25/08/2003	0396587207	DH12SLY1	Sư phạm Vật lý	Khóa 12	680.400

Biên Hòa, ngày 29 tháng 12 năm 2023

Lập bảng

Phòng Kế hoạch - Tài chính

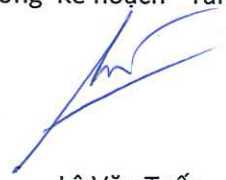

Phạm Thị Mai Hiếu

Lê Văn Tuấn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI
Phòng Kế hoạch - Tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA THAM GIA BẢO HIỂM Y TẾ

Stt	MSSV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Số điện thoại	Lớp	Ngành	Hệ đào tạo	Khóa	BHYT
1	1201050001	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	24/03/2002	0935703624	DH10SMN1	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khóa 10	680.400
2	1201050011	Vũ Thị Thanh Hiền	Nữ	04/06/2002	0352631600	DH10SMN1	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khóa 10	680.400
3	1201050020	Hoàng Thị Mỹ Linh	Nữ	29/05/2002	0379650094	DH10SMN1	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khóa 10	680.400
4	1201050024	Vũ Thị Thúy Nga	Nữ	30/06/2001	0365703521	DH10SMN1	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khóa 10	680.400
5	1201050027	Hoàng Uyển Nhi	Nữ	27/02/2002	0353617928	DH10SMN1	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khóa 10	680.400
6	1201050035	Trần Ngọc Như Quỳnh	Nữ	09/10/2002	0985329653	DH10SMN1	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khóa 10	680.400
7	1201050043	Nguyễn Thị Kim Thúy	Nữ	15/02/2001	0365703521	DH10SMN1	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khóa 10	680.400
8	1201050049	Vũ Thị Thanh Vân	Nữ	14/09/2002	0367369932	DH10SMN1	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khóa 10	680.400
9	1201050050	Mai Thúy Vi	Nữ	02/10/2002	0374958935	DH10SMN1	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khóa 10	680.400
10	1201050053	Trần Ngọc Tú Uyên	Nữ	29/05/2002	0365831407	DH10SMN1	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khóa 10	680.400
11	1201070141	Trần Duy Gia Khánh	Nam	25/03/2002	0764748813	DH10STHA	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
12	1201070372	Lê Thị Trang	Nữ	27/09/2002	0964014639	DH10STHB	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
13	1201070012	Ngô Thị Quế Anh	Nữ	10/02/2002	0925727845	DH10STHB	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
14	1201070023	Phạm Trần Ngọc Anh	Nữ	29/11/2002	0785675340	DH10STHB	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
15	1201070051	Phạm Thị Kim Chi	Nữ	25/05/2002	0981490613	DH10STHB	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
16	1201070110	Nguyễn Minh Hoàng	Nam	11/10/2002	0972596613	DH10STHB	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
17	1201070163	Tống Khánh Linh	Nữ	01/01/2002	0353344407	DH10STHB	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
18	1201070177	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	08/10/2002	0585218967	DH10STHB	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
19	1201070303	Võ Phương Khả Tú	Nữ	19/11/2002	0969800157	DH10STHB	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
20	1201070317	Đoàn Thu Thảo	Nữ	10/09/2002	0869906519	DH10STHB	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
21	1201070385	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	08/04/2002	0899768057	DH10STHB	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
22	1201070386	Võ Thị Đoan Trang	Nữ	06/04/2002	0923889287	DH10STHB	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
23	1201070401	Nguyễn Thanh Trúc	Nữ	14/08/2002	0763437570	DH10STHB	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
24	1201070423	Phạm Vũ Thúy Vy	Nữ	18/08/2002	0339561848	DH10STHB	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
25	1201070178	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	23/12/2001	0386757223	DH10STHC	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
26	1201070198	Trần Thị Kim Nga	Nữ	20/03/2002	0826121879	DH10STHC	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
27	1201070059	Trương Ngọc Duyên	Nữ	04/07/2002	0777088157	DH10STHC	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
28	1201070105	Đặng Trung Hiếu	Nam	26/08/2002	0387289827	DH10STHC	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
29	1201070164	Trần Khánh Linh	Nữ	23/09/2002	0925002471	DH10STHC	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
30	1201070192	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	13/08/2002	0908659143	DH10STHC	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
31	1201070226	Bùi Mai Quỳnh Nhi	Nữ	22/02/2002	0832163229	DH10STHC	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
32	1201070276	Trần Thị Thu Phương	Nữ	17/11/2002	0865072771	DH10STHC	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
33	1201070339	Trần Thị Thơm	Nữ	04/04/2002	0385041360	DH10STHC	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400

34	1201070402	Quách Đỗ Tố Uyên	Nữ	05/11/2002	0348745577	DH10STHC	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
35	1201070115	Nguyễn Thị Hoa Huệ	Nữ	08/04/2002	0397585576	DH10STHC	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
36	1201070266	Lê Thị Bình Phương	Nữ	08/04/2002	0707584204	DH10STHC	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
37	1201070005	Trần Kiều Phương An	Nữ	02/03/2002	0388457719	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
38	1201070009	Hồ Thị Vân Anh	Nữ	16/10/2002	0927838269	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
39	1201070031	Trịnh Thị Vân Anh	Nữ	29/11/2002	0382689776	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
40	1201070047	Bùi Thị Hồng Cẩm	Nữ	15/12/2002	0336263283	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
41	1201070068	Lương Nguyễn Khánh Đan	Nữ	17/10/2002	0945521772	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
42	1201070103	Võ Thị Thu Hiền	Nữ	21/07/2002	0337363927	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
43	1201070124	Nguyễn Ngọc Huyền	Nữ	19/06/2002	0933657381	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
44	1201070131	Cao Nguyễn Quỳnh Hương	Nữ	21/10/2002	0966774694	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
45	1201070133	Nguyễn Thị Hương	Nữ	30/10/2002	0393390146	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
46	1201070138	Trần Ngọc Bảo Khanh	Nữ	30/10/2002	0399379146	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
47	1201070145	Hoàng Thị Lan	Nữ	29/10/2002	0343273492	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
48	1201070222	Đoàn Thủy Nguyên	Nữ	22/12/2002	0933879398	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
49	1201070236	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	15/10/2002	0937890843	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
50	1201070243	Vũ Hoàng Uyển Nhi	Nữ	31/08/2002	0586460538	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
51	1201070278	Nguyễn Kim Phượng	Nữ	09/09/2002	0898714674	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
52	1201070306	Phạm Thị ánh Tuyết	Nữ	14/06/2002	0364199681	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
53	1201070327	Phạm Thu Thảo	Nữ	22/08/2002	0394576694	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
54	1201070365	Nguyễn Bảo Thy	Nữ	05/12/2002	0932777766	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
55	1201070390	Đinh Trần Huyền Trân	Nữ	15/09/2002	0836484104	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
56	1201070404	Nguyễn Phượng Uyên	Nữ	17/11/2002	0902833286	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
57	1201070425	Trịnh Phạm Lan Vy	Nữ	09/11/2002	0328288679	DH10STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
58	1201070181	Trần Thị Phương Mai	Nữ	22/01/1997	0933523608-076	DH10STHF	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
59	1201070224	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	Nữ	14/01/2002	0378362970	DH10STHG	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
60	1201070392	Đỗ Thị Phương Trinh	Nữ	27/11/2002	0337871214	DH10STHG	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
61	1201070406	Trần Nhật Uyên	Nữ	22/05/2002	0909748622	DH10STHG	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
62	1201070175	Lê Hoàng Mai	Nữ	02/05/2002	0396094092	DH10STHG	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
63	1201070245	Trần Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	06/07/2002	0907336667	DH10STHG	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
64	1201070252	Nguyễn Ngọc Tuyết Như	Nữ	01/07/2002	0817250260	DH10STHG	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
65	1201070350	Nguyễn Thanh Thủy	Nữ	02/04/2002	0916812544	DH10STHG	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
66	1201070364	Hồ Huỳnh Anh Thy	Nữ	20/09/2002	0798157815	DH10STHG	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 10	680.400
67	1211050008	Đặng Phương Hồng	Nữ	21/09/2003	0979714967	DH11SMN1	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khóa 11	680.400
68	1211050020	Nguyễn Ngọc Tuyết Nhi	Nữ	15/08/2003	0375575738	DH11SMN1	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khóa 11	680.400
69	1201070071	Thái Đặng Phát Đạt	Nam	06/02/2002	0784178270	DH11STHA	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
70	1211070151	Đỗ Thị Hồng Hoài	Nữ	12/10/2002	0834583933	DH11STHA	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
71	1211070301	Đào Thị Yến Nhi	Nữ	27/04/2003	0377002599	DH11STHA	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400

72	1211070484	Đỗ Thị Quỳnh Trang	Nữ	06/08/2003	0387759641	DH11STHC	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
73	1211070092	Nguyễn Quỳnh Giang	Nữ	16/02/2003	0818902692	DH11STHC	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
74	1211070113	Võ Như Hảo	Nữ	05/02/2003	0382441652	DH11STHC	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
75	1211070170	Hoàng Thị Quỳnh Hương	Nữ	31/08/2003	0379589034	DH11STHC	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
76	1211070283	Đỗ Nguyễn Khôi Nguyên	Nữ	02/02/2003	0933580545	DH11STHC	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
77	1211070154	Nguyễn Ngọc Kim Hồng	Nữ	04/02/2003	0327454630	DH11STHD	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
78	1211070177	Trần Nguyễn Quỳnh Hương	Nữ	02/11/2003	0794726890	DH11STHD	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
79	1211070214	Nguyễn Thành Long	Nam	05/01/2003	0363543783	DH11STHD	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
80	1211070224	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	24/08/2003	0971861794	DH11STHD	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
81	1211070266	Lê Thị Hồng Ngọc	Nữ	06/11/2003	0348704170	DH11STHD	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
82	1211070504	Nguyễn Như Trâm	Nữ	18/10/2003	0337925567	DH11STHD	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
83	1211070524	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Nữ	25/08/2003	0908730047	DH11STHD	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
84	1211070085	Võ Thùy Dương	Nữ	30/08/2003	0933269945	DH11STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
85	1211070426	Hồ Thị Thu Thảo	Nữ	06/02/2003	0353048778	DH11STHE	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
86	1211070036	Trần Lê Cẩm Anh	Nữ	20/11/2003	0327610759	DH11STHF	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
87	1211070447	Võ Bảo Thi	Nữ	15/06/2003	0967786351	DH11STHG	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
88	1211070328	Tôn Nguyễn Tuyết Nhi	Nữ	27/10/2003	0868918841	DH11STHH	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
89	1211070348	Tôn Nữ Quỳnh Như	Nữ	08/02/2003	0908722686	DH11STHH	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
90	1211070058	Trần Thụy Bảo Châu	Nữ	02/09/2003	0569836839	DH11STHH	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
91	1211070418	Nguyễn Thị ánh Tuyết	Nữ	03/01/2003	0329395378	DH11STHH	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
92	1211070260	Võ Hoàng Kim Ngân	Nữ	30/06/2003	0931663419	DH11STHJ	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
93	1211070370	Nguyễn Ngọc Phương	Nữ	07/04/2003	0865407135	DH11STHJ	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	Khóa 11	680.400
94	1221050027	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	01/09/2004	0965717806	DH12SMN1	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khóa 12	680.400

Biên Hòa, ngày 29 tháng 12 năm 2023

Lập bảng

Phòng Kế hoạch - Tài chính

Phạm Thị Mai Hiếu

Lê Văn Tuấn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI
Phòng Kế hoạch - Tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA THAM GIA BẢO HIỂM Y TẾ

Stt	MSSV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Số điện thoại	Lớp	Ngành	Hệ đào tạo	Khóa	BHYT
1	1204010094	Nguyễn Thùy Phương Linh	Nữ	16/11/2002	0898497596	DH10NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 10	680.400
2	1204010100	Nguyễn Nhật Khánh Ly	Nữ	16/10/2002	0386899039	DH10NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 10	680.400
3	1204010146	Bùi Thị Xuân Quỳnh	Nữ	05/09/2002	0346734883	DH10NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 10	680.400
4	1204010233	Trần Bảo Hiếu	Nam	24/05/2002	0923836931	DH10NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 10	680.400
5	1204010174	Hồ Phú Thịnh	Nam	10/08/2002	0328064090	DH10NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 10	680.400
6	1204010039	Trần Thị Quỳnh Giang	Nữ	27/03/2002	0843339916	DH10NKTB	Kế toán	Chính quy	Khóa 10	680.400
7	1204010079	Trần Nguyễn Mỹ Hương	Nữ	16/06/2002	0347728062	DH10NKTB	Kế toán	Chính quy	Khóa 10	680.400
8	1204010183	Lê Trần Minh Thư	Nữ	24/03/2002	0925754762	DH10NKTB	Kế toán	Chính quy	Khóa 10	680.400
9	1204010211	Lê Bích Vân	Nữ	19/08/2001	0785888294	DH10NKTB	Kế toán	Chính quy	Khóa 10	680.400
10	1204010223	Hoàng Thị Yến	Nữ	15/10/2002	0333126650	DH10NKTB	Kế toán	Chính quy	Khóa 10	680.400
11	1204010035	Nguyễn Chí Đức	Nam	25/04/2002	0833536537	DH10NKTB	Kế toán	Chính quy	Khóa 10	680.400
12	1204010067	Đỗ Thị Thiên Hoàng	Nữ	31/07/2002	0332334977	DH10NKTB	Kế toán	Chính quy	Khóa 10	680.400
13	1204010204	Đào Vi Trúc	Nữ	07/02/2002	0922210613	DH10NKTC	Kế toán	Chính quy	Khóa 10	680.400
14	1204010052	Ngô Ngọc Hân	Nữ	18/05/2002	0937656916	DH10NKTC	Kế toán	Chính quy	Khóa 10	680.400
15	1204010044	Lưu Trần Khánh Hạ	Nữ	05/06/2002	0786628320	DH10NKTC	Kế toán	Chính quy	Khóa 10	680.400
16	1204010065	Trần Vũ Khánh Hòa	Nữ	27/12/2002	0332503308	DH10NKTD	Kế toán	Chính quy	Khóa 10	680.400
17	1204020033	Hoàng Duy Đông	Nam	10/01/2000	0384977849	DH10NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
18	1204020057	Đinh Trung Hiếu	Nam	24/11/2002	0777774067	DH10NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
19	1204020153	Trần Ngọc Thịnh Phát	Nam	17/11/2002	0824939379	DH10NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
20	1204020223	Nguyễn Minh Trí	Nam	11/11/2002	0859783772	DH10NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
21	1204020029	Trần Đông Dương	Nam	20/09/2002	0966409873	DH10NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
22	1204020037	Vũ Nguyễn Hữu Đức	Nam	07/04/2002	0924461240	DH10NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
23	1204020101	Nguyễn Hoàng Long	Nam	26/10/2002	0944091690	DH10NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
24	1204020154	Nguyễn Hoàng Phong	Nam	02/08/2002	0983113976	DH10NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
25	1204020006	Mai Lan Anh	Nữ	10/11/2002	0362658078	DH10NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
26	1204020022	Đàm Thị Thùy Dung	Nữ	02/09/2002	0389387476	DH10NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
27	1204020094	Nguyễn Thanh Liêm	Nam	06/03/2002	0969106027	DH10NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
28	1204020140	Nguyễn Ngọc Nhung	Nữ	09/10/2002	0819838384	DH10NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
29	1204020142	Phạm Thị Tuyết Nhung	Nữ	25/09/2002	0836379796	DH10NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
30	1204020179	Trần Minh Thành	Nam	18/01/2002	0927100255	DH10NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
31	1204020026	Nguyễn Phan Kỳ Duyên	Nữ	30/11/2002	0337645010	DH10NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400

32	1204020001	Nguyễn Ngọc Thùy An	Nữ	02/10/2002	0776921935	DH10NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
33	1204020058	Trịnh Ngọc Hòa	Nam	02/09/2002	0899301662	DH10NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
34	1204020122	Nguyễn Hữu Nghĩa	Nam	18/11/2002	0979478437	DH10NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
35	1204020158	Nguyễn Thu Phương	Nữ	02/11/2002	0928982785	DH10NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
36	1204020252	Đoàn Thị Yến	Nữ	10/07/2002	0962254426	DH10NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
37	1204020023	Nguyễn Thị Thảo Dung	Nữ	17/09/2002	0374385426	DH10NQKC	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
38	1204020131	Vũ Hoàng Nhanh	Nam	17/12/2002	0798900755	DH10NQKC	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
39	1204020195	Nguyễn Minh Thuận	Nam	26/05/2002	0905414610	DH10NQKC	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
40	1204020060	Tống Thái Hòa	Nam	09/08/2002	0364357755	DH10NQKC	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
41	1204020200	Trần Thị Thủy	Nữ	30/07/2002	0945122864	DH10NQKC	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
42	1204020229	Nguyễn Huy Trường	Nam	22/01/2002	0921443815	DH10NQKC	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
43	1204020008	Trần Thế Anh	Nam	18/07/2002	0795678392	DH10NQKD	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
44	1204020012	Nguyễn Thiên ân	Nam	15/01/2002	0918019825	DH10NQKD	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
45	1204020015	Đinh Bằng	Nam	01/11/2002	0835573677	DH10NQKD	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
46	1204020104	Nguyễn Thị Luyến	Nữ	11/10/2001	0385918587	DH10NQKD	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
47	1204020112	Dương Thành Nam	Nam	28/05/2002	0858239652	DH10NQKD	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
48	1204020144	Vũ Thị Hồng Nhung	Nữ	22/03/2002	0987864190	DH10NQKD	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
49	1204020064	Nguyễn Minh Hoàng	Nam	18/06/2002	0931662845	DH10NQKD	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
50	1204020040	Lưu Thị Thu Hà	Nữ	02/06/2002	0868945184	DH10NQKD	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 10	680.400
51	121401002014	Bùi Thị Thu Hà	Nữ	02/20/1999	0334989928	DH11NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400
52	1214010025	Võ Thị Thùy Hoa	Nữ	11/29/2003	0353970443	DH11NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400
53	1214010027	Trịnh Nhật Huy	Nam	18/01/2003	0792020572	DH11NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400
54	1214010035	Nguyễn Hạ Thùy Linh	Nữ	05/01/2003	0338861829	DH11NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400
55	1214010077	Bùi Thị Tĩnh	Nữ	09/16/2003	036 9374472	DH11NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400
56	1214010099	Nguyễn Minh Triết	Nam	08/27/2003	0916270803	DH11NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400
57	1214010117	Nguyễn Thị Thúy Ngân	Nữ	05/12/2003	0865485843	DH11NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400
58	1214010119	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	Nữ	22/12/2003	0938195275	DH11NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400
59	1214010123	Nguyễn Thị Hồng Vân	Nữ	28/09/2003	0336130543	DH11NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400
60	1214010049	Ngô Hoàng Bảo Ngân	Nữ	10/22/2003	0901683307	DH11NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400
61	1214010057	Lê Ngọc Thảo Nguyên	Nữ	03/06/2003	0971227423	DH11NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400
62	1214010053	Vũ Thị Như Ngọc	Nữ	07/28/2003	0784988388	DH11NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400
63	1214010055	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	14/08/2003	0355665229	DH11NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400
64	1214010103	Nguyễn Nhật Trường	Nam	12/11/2003	0348997344	DH11NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400
65	1214010107	Nguyễn Ngọc Tường Vân	Nữ	04/27/2003	0355863205	DH11NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400
66	1214010115	Phạm Thuý Hường	Nữ	21/12/2003	0827336662	DH11NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400
67	1214010059	Trần Nhật Phương Nhi	Nữ	11/04/2003	0947243822	DH11NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400
68	1214010112	Cao Nguyễn Tường Vy	Nữ	04/03/2002	0979654633	DH11NKTB	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400
69	1214010120	Nguyễn Trúc Quỳnh	Nữ	26/02/2003	0562894325	DH11NKTB	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400

70	1214010012	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nữ	25/07/2003	0339192041	DH11NKTB	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400
71	1214010102	Trịnh Thanh Trúc	Nữ	05/30/2003	0327616615	DH11NKTB	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400
72	1214010002	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	02/22/2003	0325743086	DH11NKTB	Kế toán	Chính quy	Khóa 11	680.400
73	1214020096	Ngô Bảo Lâm	Nam	01/10/2003	0916079639	DH11NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
74	1214020231	Phạm Minh Thư	Nữ	10/03/2003	0397892503	DH11NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
75	1214020106	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	29/09/2003	0328612672	DH11NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
76	1214020246	Nguyễn Minh Trí	Nam	01/09/2003	0395126710	DH11NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
77	1214020006	Nguyễn Lê Tuyết Anh	Nữ	10/09/2003	0335574223	DH11NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
78	1214020163	Dương Duy Oanh	Nữ	24/11/2003	0939904737	DH11NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
79	1214020061	Nguyễn Hồ Bảo Hân	Nữ	19/07/2003	0522929387	DH11NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
80	1214020100	Huỳnh Nhật Gia Linh	Nữ	30/08/2003	0912961495	DH11NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
81	1214020121	Vũ Huy Nam	Nam	14/09/2003	0968146964	DH11NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
82	1214020131	Dương Văn Nghiêm	Nam	27/02/2003	0817444586	DH11NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
83	1214020162	Nguyễn Uyên Như	Nữ	30/09/2003	0765776687	DH11NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
84	1214020201	Nguyễn Anh Tú	Nam	26/06/2003	0384133437	DH11NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
85	1214020229	Nguyễn Lan Thư	Nữ	17/07/2003	0589447227	DH11NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
86	1204020224	Phạm Thị Ngọc Trinh	Nữ	11/01/2002	0397814122	DH11NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
87	1214020119	Phạm Thị ánh Mỹ	Nữ	04/08/2003	0886779149	DH11NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
88	1214020202	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	20/10/2003	0352375301	DH11NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
89	1214020019	Dương Thị Ngọc ánh	Nữ	30/05/2003	0962175101	DH11NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
90	1214020028	Phạm Thanh Bình	Nam	01/01/2003	0369026070	DH11NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
91	1214020041	Nguyễn Vũ Khánh Dư	Nữ	30/11/2003	0947583115	DH11NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
92	1214020062	Phan Thị Ngọc Hân	Nữ	18/03/2003	0933830773	DH11NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
93	1214020129	Nguyễn Thị Ngọc Nghĩa	Nữ	12/11/2003	0947766910	DH11NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
94	1214020132	Đào Thị Hồng Ngọc	Nữ	29/04/2003	0962192237	DH11NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
95	1214020217	Nguyễn Hồng Thi	Nữ	14/10/2003	0981831912	DH11NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
96	1214020282	Keooudone Chanthavy	Nữ	24/05/2000		DH11NQKC	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
97	1214020113	Nguyễn Phi Long	Nam	04/04/2003	0898442167	DH11NQKC	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
98	1214020238	Lê Ngô Đài Trang	Nữ	21/12/2003	0976798128	DH11NQKC	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
99	1214020168	Nguyễn Lý Phi Phụng	Nam	09/02/2001	0388075985	DH11NQKC	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
100	1214020179	Nguyễn Duy Anh Quân	Nam	24/12/2003	0335273557	DH11NQKD	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
101	1214020064	Vũ Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	17/12/2003	0522736698	DH11NQKD	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
102	1214020209	Bùi Thị Phương Thảo	Nữ	18/11/2003	0337532110	DH11NQKD	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
103	1214020190	Nguyễn Thành Tài	Nam	20/04/2003	0325796167	DH11NQKE	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
104	1214020195	Trần Tô Mỹ Tâm	Nữ	27/03/2003	0933624737	DH11NQKE	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
105	1214020055	Nguyễn Thị Tú Hằng	Nữ	08/09/2003	0901285700	DH11NQKE	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
106	1214020185	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	Nữ	16/10/2003	0986398909	DH11NQKE	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400
107	1214020240	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	25/02/2003	0901252109	DH11NQKE	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 11	680.400

108	1224010007	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	30/08/2004	0933063070	DH12NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 12	680.400
109	1224010013	Nguyễn Vũ Thiên ân	Nữ	07/03/2004	0373685813	DH12NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 12	680.400
110	1224010079	Võ Thị Hồng Nhiên	Nữ	05/12/2004	0375131264	DH12NKTA	Kế toán	Chính quy	Khóa 12	680.400
111	1224010157	Đặng Thị Mai Hạnh	Nữ	28/07/2004	0853958816	DH12NKTD	Kế toán	Chính quy	Khóa 12	680.400
112	1224010162	Nguyễn Ngọc Kim Khuê	Nữ	09/08/2004	0396043540	DH12NKTD	Kế toán	Chính quy	Khóa 12	680.400
113	1224010172	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	22/07/2004	0946912639	DH12NKTD	Kế toán	Chính quy	Khóa 12	680.400
114	1224010187	Quách Trương Vân Long	Nữ	16/11/2004	0908145138	DH12NKTD	Kế toán	Chính quy	Khóa 12	680.400
115	1224010190	Nguyễn Mậu Tiến Hùng	Nam	08/02/2004	0845885486	DH12NKTD	Kế toán	Chính quy	Khóa 12	680.400
116	1224020077	Nguyễn Phan Khánh Linh	Nữ	20/02/2004	0385055631	DH12NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 12	680.400
117	1224020108	Nguyễn Hoài Thanh Nhã	Nữ	12/08/2004	0908936864	DH12NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 12	680.400
118	1224020153	Nguyễn Thế Anh Quyền	Nam	30/04/2004	0933542575	DH12NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 12	680.400
119	1224020213	Huỳnh Ngọc Trong	Nam	23/01/2004	0367770301	DH12NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 12	680.400
120	1224020217	Nguyễn Phan Trung	Nam	05/07/2004	0942963178	DH12NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 12	680.400
121	1224020081	Trần Thị Khánh Loan	Nữ	28/01/2004	0387891647	DH12NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 12	680.400
122	1224020097	Phạm Thị Mỹ Ngân	Nữ	02/08/2004	0344267862	DH12NQKA	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 12	680.400
123	1224020174	Bùi Xuân Thành	Nam	03/09/2004	0336560309	DH12NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 12	680.400
124	1224020222	Lại Ngọc Thảo Vân	Nữ	17/09/2004	0387615974	DH12NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 12	680.400
125	1224020210	Lê Nguyên Trí	Nam	22/11/2004	0769602204	DH12NQKB	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 12	680.400
126	1224020048	Phạm Minh Hiếu	Nam	08/05/2004	0937236583	DH12NQKD	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 12	680.400
127	1224020128	Đào Nguyễn Trúc Như	Nữ	30/09/2004	0325836825	DH12NQKD	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 12	680.400
128	1224020164	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nữ	20/08/2004	0933105275	DH12NQKD	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 12	680.400
129	1224020176	Lê Thị Thanh Thảo	Nữ	17/10/2004	0908573748	DH12NQKD	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 12	680.400
130	1224020216	Đặng Quang Trung	Nam	04/03/2004	0948730087	DH12NQKD	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 12	680.400
131	1224020008	Phạm Thị Lan Anh	Nữ	21/11/2004	0988026106	DH12NQKD	Quản trị KD	Chính quy	Khóa 12	680.400

Biên Hòa, ngày 29 tháng 12 năm 2023

Lập bảng

Phạm Thị Mai Hiếu

Phòng Kế hoạch - Tài chính

Lê Văn Tuấn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI
Phòng Kế hoạch - Tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA THAM GIA BẢO HIỂM Y TẾ

	MSSV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Số điện thoại	Lớp	Ngành	Khóa	BHYT
1	1184030203	Huỳnh Kim Tiên	Nữ	07/09/2000	0931279440	DH10NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
2	1204030125	Tống Thị Tuyết Ngân	Nữ	30/12/2002	0354249596	DH10NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
3	1204030014	Hoàng Thị Ngọc ánh	Nữ	13/10/2002	01627829242	DH10NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
4	1204030225	Ngô Thị Phương Trinh	Nữ	20/01/2002	0374745108	DH10NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
5	1204030026	Phạm Thái Bình	Nữ	02/02/2002	0337265173	DH10NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
6	1204030038	Nguyễn Thị Vân Dung	Nữ	19/09/2002	0921803068	DH10NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
7	1204030116	Trần Kiều My	Nữ	25/11/2002	0964924765	DH10NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
8	1204030141	Nguyễn Hoàng Vân Nhi	Nữ	14/08/2002	0786670955	DH10NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
9	1204030165	Nguyễn Thế Tân	Nam	21/04/2002	0984064973	DH10NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
10	1204030195	Hứa Phương Minh Thư	Nữ	26/10/2002	0335188999	DH10NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
11	1204030051	Nguyễn Cao Đạt	Nam	26/04/2001	0523579472	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
12	1204030063	Trịnh Bùi Thanh Hà	Nữ	25/09/2002	0931245418	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
13	1204030142	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	Nữ	07/03/2002	0328708177	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
14	1204030154	Lê Thị Phượng	Nữ	02/07/2002	0865611308	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
15	1204030204	Lê Khả Thy	Nữ	23/07/2002	0919035022	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
16	1204030232	Đoàn Thị Thanh Vân	Nữ	13/02/2002	0792266305	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
17	1204030136	Nguyễn Tiến Minh Nhật	Nam	12/05/2002	0934084094	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
18	1204030214	Nguyễn Thị Kiều Trang	Nữ	09/01/2002	0854540741	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
19	1204030075	Phạm Thị Thảo Hiền	Nữ	26/11/2002	0392857810	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
20	1204030123	Nguyễn Thanh Ngân	Nữ	03/06/2002	0932969813	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
21	1204030190	Phan Quốc Thiện	Nam	18/02/2002	0798491061	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
22	1204030015	Nguyễn Ngọc ánh	Nữ	22/03/2002	0346132194	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
23	1204030039	Phạm Thị Phương Dung	Nữ	10/07/2002	0584240405	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
24	1204030093	Trần Văn Hưng	Nam	06/03/2002	0339388951	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
25	1204030129	Nguyễn Trọng Nghĩa	Nam	05/04/2002	0911142016	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
26	1204030130	Phạm Thị Ngọc	Nữ	16/11/2002	0794584017	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
27	1204030178	Trần Hồng Thiên Thanh	Nữ	03/09/2002	0945419353	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
28	1204030194	Đinh Thị Thu Thủy	Nữ	09/10/2002	0902824904	DH10NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
29	1204030058	Thiều Ngọc Giàu	Nữ	28/02/2002	0961495273	DH10NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
30	1204030094	Nguyễn Huỳnh Quỳnh Hương	Nữ	14/01/2002	0816309079	DH10NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
31	1204030100	Vũ Anh Khoa	Nam	22/07/2002	0862979440	DH10NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
32	1204030131	Phạm Bảo Ngọc	Nam	22/04/2002	0336412212	DH10NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400

33	1204030149	Trần Tâm Như	Nữ	19/11/2002	0938694304	DH10NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
34	1204030191	Huỳnh Thị Kim Thoa	Nữ	16/03/2002	0913873517	DH10NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
35	1204030205	Huỳnh Hoàng Nhật Thy	Nữ	18/12/2002	0335346675	DH10NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
36	1204030255	Lê Hồ Kim Ngân	Nữ	10/11/2002	0814608076	DH10NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
37	1204030209	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	22/12/2002	0965340714	DH10NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
38	1204030003	Lê Quốc Anh	Nam	25/02/2002	0879123042	DH10NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
39	1204030070	Dương Ngọc Mai Hân	Nữ	02/02/2002	0984860442	DH10NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
40	1204030155	Nguyễn Thị Bích Phượng	Nữ	21/10/2002	0941679506	DH10NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
41	1204030222	Lê Minh Triết	Nam	10/11/2002	0933826763	DH10NNAD	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
42	1204030083	Tạ Hữu Hợp	Nam	27/01/2002	0933885235	DH10NNAD	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
43	1204030174	Trần ánh Tuyết	Nữ	24/07/2002	0798381280	DH10NNAD	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
44	1204030198	Trần Hoàng Anh Thư	Nữ	05/05/2002	0389991283	DH10NNAD	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
45	1204030234	Nguyễn Tường Vi	Nữ	02/08/2002	0786377502	DH10NNAD	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
46	1194030106	Nguyễn Văn Huy	Nam	27/08/1994	0901667292	DH10NNAE	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
47	1204030084	Lê Mạnh Hùng	Nam	11/06/2002	0985405672	DH10NNAE	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
48	1204030120	Chu Thị Thảo Ngân	Nữ	09/04/2002	0523093088	DH10NNAE	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
49	1204030030	Đinh Ngọc Quỳnh Chi	Nữ	05/04/2002	7523817425	DH10NNAE	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
50	1204030054	Hồng Bảo Đông	Nam	07/04/2002	0328439511	DH10NNAE	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
51	1204030096	Dương Đăng Khoa	Nam	10/05/2002	0813771865	DH10NNAE	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
52	1204030169	Phan Ngọc Tú Tú	Nữ	16/08/2002	0937759190	DH10NNAE	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
53	1204030241	Mai Thảo Vy	Nữ	21/10/2002	0938850528	DH10NNAE	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
54	1204030012	Trần Thị Kim Anh	Nữ	09/03/2002	0382587693	DH10NNAF	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
55	1204030200	Trần Anh Thư	Nữ	08/03/2002	0765614916	DH10NNAF	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
56	1204030218	Châu Hoàng Bảo Trân	Nữ	23/02/2002	0933313428	DH10NNAF	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
57	1204030021	Đặng Huỳnh Quốc Bảo	Nam	20/03/2002	0854572741	DH10NNAF	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
58	1204030127	Trương Thị Bích Ngân	Nữ	08/02/2002	0379894205	DH10NNAF	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
59	1204030006	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	06/02/2002	0353574667	DH10NNAF	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
60	1204030017	Phạm Thị ánh	Nữ	14/04/2002	0839090350	DH10NNAF	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
61	1204030049	Trương Thị Trang Đài	Nữ	11/02/2001	0944088481	DH10NNAF	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
62	1204030091	Mai Ngọc Huỳnh	Nữ	31/07/2002	0933596523	DH10NNAF	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
63	1204030103	Bùi Thị Vĩnh Linh	Nữ	04/01/2002	0362651015	DH10NNAF	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
64	1204030115	Phan Thảo My	Nữ	04/03/2002	0813387896	DH10NNAF	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
65	1204030152	Trần Thị Phương	Nữ	24/06/2002	0375725118	DH10NNAF	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
66	1204030188	Đinh Hữu Thắng	Nam	03/07/2002	0812179531	DH10NNAF	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
67	1204030212	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	22/12/2002	0969632760	DH10NNAF	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
68	1204030236	Phan Thị Lan Vi	Nữ	17/07/2002	0385324345	DH10NNAF	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
69	1204030242	Ngô Thị Thảo Vy	Nữ	26/10/2002	0985566017	DH10NNAF	Ngôn ngữ Anh	Khóa 10	680.400
70	1201120160	Bạch Xuân Triều	Nam	16/09/2001	0921232646	DH10STAA	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400

71	1201120073	Nguyễn Thị Thanh Mai	Nữ	13/02/2002	0967085573	DH10STAA	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
72	1201120141	Vũ Đức Thắng	Nam	12/04/2002	0963314500	DH10STAA	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
73	1201120015	Võ Thanh Minh Anh	Nữ	26/11/2002	0785685866	DH10STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
74	1201120038	Ngô Khả Hân	Nữ	03/09/2002	0919067918	DH10STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
75	1201120046	Bùi Nguyễn Như Hòa	Nữ	12/03/2002	0386699161	DH10STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
76	1201120121	Nguyễn Vân Quỳnh	Nữ	16/02/2002	0362598122	DH10STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
77	1201120018	Trịnh Gia Cát Bảo	Nam	19/06/2002	0937500787	DH10STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
78	1201120030	Lương Thu Hà	Nữ	16/12/2002	0347083694	DH10STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
79	1201120034	Bùi Kim Hằng	Nữ	09/06/2002	0986183921	DH10STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
80	1201120042	Nguyễn Cao Thúy Hiền	Nữ	04/03/2002	0339534266	DH10STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
81	1201120082	Nguyễn Thị Triều My	Nữ	20/05/2001	0868660617	DH10STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
82	1201120118	ừng Tú Quyên	Nữ	28/09/2002	0968765276	DH10STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
83	1201120126	Vũ Thị Thanh Tâm	Nữ	03/02/2002	0933454032	DH10STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
84	1201120130	Nguyễn Công Tuấn	Nam	02/05/2002	0936032147	DH10STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
85	1201120146	Trần Nguyễn Hoàng Thụy	Nam	09/08/2002	0826492728	DH10STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
86	1201120149	Lê Thị Anh Thư	Nữ	22/02/2002	0865811409	DH10STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
87	1201120154	Trần Ngọc Thanh Trang	Nữ	20/09/2002	0785042787	DH10STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
88	1201120158	Nguyễn Hoàng Ngọc Trân	Nữ	02/11/2002	0913942735	DH10STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
89	1201120170	Lưu Vũ Cẩm Vy	Nữ	21/07/2002	0886362062	DH10STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
90	1201120079	Vũ Hồ Quang Minh	Nam	13/10/2002	0896898066	DH10STAC	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
91	1201120083	Đỗ Nhất Nam	Nam	27/11/2002	0582661477	DH10STAC	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
92	1201120095	Nguyễn Thảo Nguyên	Nữ	17/06/2002	0926259780	DH10STAC	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
93	1201120035	Hà Thúy Hằng	Nữ	01/06/2002	0372495064	DH10STAC	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
94	1201120047	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	09/10/2002	0392459108	DH10STAC	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
95	1201120063	Hoàng Lê Khánh Linh	Nữ	06/06/2002	0924252890	DH10STAC	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
96	1201120087	Vũ Thanh Ngân	Nữ	27/09/2002	0979854888	DH10STAC	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
97	1201120119	Đỗ Như Quỳnh	Nữ	09/01/2002	0977433051	DH10STAC	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
98	1201120127	Nguyễn Thị Kim Tiên	Nữ	07/03/2002	0368021487	DH10STAC	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
99	1201120012	Phan Tuấn Anh	Nam	16/11/2002	0765607013	DH10STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
100	1201120036	Ngô Đình Túy Hằng	Nữ	26/11/2002	0942212611	DH10STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
101	1201120048	Nguyễn Bá Hoàng	Nam	03/04/2002	0334879852	DH10STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
102	1201120056	Trịnh Tuấn Kiệt	Nam	24/09/2002	0947501884	DH10STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
103	1201120080	Đỗ Thị Hà My	Nữ	10/11/2002	0859624824	DH10STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
104	1201120112	Nguyễn Diệu Minh Phương	Nữ	05/05/2002	0938988240	DH10STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
105	1201120115	Võ Thị Thu Phương	Nữ	04/12/2002	0901546817	DH10STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
106	1201120124	Phan Kế Sự	Nam	18/09/2002	0708908826	DH10STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
107	1201120020	Bùi Công Chính	Nam	01/04/2002	0569900881	DH10STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
108	1201120060	Vũ Mạnh Khoa	Nam	06/07/2002	0866510940	DH10STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400

109	1201120076	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Nữ	29/12/2002	0384215274	DH10STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
110	1201120128	Phan Uy Tín	Nam	06/02/1995	0352348522	DH10STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
111	1201120148	Hồ Vũ Minh Thư	Nữ	03/01/2002	0964696547	DH10STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
112	1201120156	Hồ Mai Trâm	Nữ	06/04/2002	0396228145	DH10STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 10	680.400
113	1214030006	Nguyễn Ngọc Phương Anh	Nữ	28/10/2003	0364597032	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
114	1214030016	Võ Hồng ân	Nữ	03/04/2003	0822820119	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
115	1214030026	Tạ Gia Danh	Nam	09/09/2003	0848001858	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
116	1214030036	Bùi Bạch Dương	Nữ	05/09/2003	0989362517	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
117	1214030041	Nguyễn Phát Huy Đạt	Nam	04/01/2003	0767163782	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
118	1214030046	Nguyễn Thị Thu Giang	Nữ	21/04/2003	0385853437	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
119	1214030051	Phạm Gia Hào	Nam	22/11/2003	0833367103	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
120	1214030056	Nguyễn Hoàng Ngọc Hân	Nữ	12/01/2002	0393729611	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
121	1214030066	Trần Minh Hiếu	Nam	29/07/2003	0901632654	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
122	1214030088	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	29/06/2003	0375423831	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
123	1214030096	Lê Quang Minh	Nam	29/08/1999	0379824361	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
124	1214030101	Thái Việt Mỹ	Nam	19/11/2003	0399382140	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
125	1214030111	Phạm Nguyễn Ngọc Ngân	Nữ	31/08/2003	0814629296	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
126	1214030141	Trần Thị Kim Oanh	Nữ	02/09/2003	0945339817	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
127	1214030146	Mạch Ngọc Nguyên Phước	Nam	09/02/2003	0359377448	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
128	1214030155	Hồ Nguyễn Diễm Quỳnh	Nữ	27/05/2003	0765207318	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
129	1214030186	Lê Đỗ Đan Thuỳ	Nữ	26/01/2003	0969038101	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
130	1214030189	Lê Thị Hồng Thủy	Nữ	14/11/2003	0379785878	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
131	1214030191	Đặng Hà Anh Thư	Nữ	02/05/2003	0377796255	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
132	1214030206	Nguyễn Ngọc Trang	Nữ	30/03/2002	0981769430	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
133	1214030211	Vũ Nguyễn Bảo Trâm	Nữ	29/11/2003	0792041558	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
134	1214030216	Nguyễn Hoàng Phương Trinh	Nữ	25/10/2003	0933410725	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
135	1214030231	Phan Nguyễn Tố Uyên	Nữ	19/07/2003	0337882070	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
136	1214030251	Thái Hoàng Yến	Nữ	25/03/2003	0914941802	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
137	1214030221	Trương Yến Trúc	Nữ	05/06/2003	0388982315	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
138	1214030241	Nguyễn Thảo Vy	Nữ	15/08/2003	0916421776	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
139	1214030065	Lê Thị Thảo Hiếu	Nữ	22/11/2003	0868728422	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
140	1214030086	Nguyễn Hoàng Hoài Linh	Nữ	28/10/2003	0783600648	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
141	1214030148	Nguyễn Đỗ Kim Phương	Nữ	30/03/2003	0868974805	DH11NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
142	1214030022	Lâm Phúc Châu	Nữ	17/09/2003	0898156138	DH11NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
143	1214030052	Phạm Thị Thanh Hằng	Nữ	20/12/2003	0856274158	DH11NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
144	1214030102	Trương Nguyễn Gia Mỹ	Nữ	21/10/2003	0348071640	DH11NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
145	1214030147	Nguyễn Đăng Thiên Phước	Nam	14/06/2003	0908426685	DH11NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
146	1214030232	Trần Hà Bảo Uyên	Nữ	20/11/2003	0921514930	DH11NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400

147	1214030242	Nguyễn Thị Thảo Vy	Nữ	15/09/2002	0346903618	DH11NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
148	1214030222	Lê Minh Trường	Nam	08/10/2003	0824733473	DH11NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
149	1214030007	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	Nữ	01/10/2003	0357011910	DH11NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
150	1214030077	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	07/04/2003	0357032162	DH11NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
151	1214030082	Vũ Đăng Khoa	Nam	29/12/2002	0987906049	DH11NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
152	1214030092	Nguyễn Hoàng Lộc	Nam	12/03/2003	0886303448	DH11NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
153	1214030137	Đỗ Thị Quỳnh Như	Nữ	27/03/2003	0797091012	DH11NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
154	1214030227	Đỗ Thị Ngọc Uyên	Nữ	28/12/2003	0338692893	DH11NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
155	1214030038	Phạm Thị Thùy Dương	Nữ	09/04/2003	0328452915	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
156	1214030043	Hồ Thị Xuân Đình	Nữ	09/08/2003	0792835355	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
157	1214030093	Lê Thị Hồng Lợi	Nữ	04/06/2003	0394556603	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
158	1214030001	Nguyễn Thị Thuý An	Nữ	19/10/2003	0339830663	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
159	1214030003	Bùi Thị Duy Anh	Nữ	24/01/2003	0983770851	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
160	1214030009	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	03/05/2003	0964753977	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
161	1214030018	Trần Gia Bảo	Nam	15/09/2002	0328347588	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
162	1214030023	Nguyễn Linh Chi	Nữ	14/11/2003	0372636207	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
163	1214030033	Bùi Quốc Duy	Nam	02/11/2003	0914928257	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
164	1214030083	Vũ Đăng Khoa	Nam	22/07/2002	0389841009	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
165	1214030143	Nguyễn Thị Mỹ Phúc	Nữ	07/09/2003	0773630412	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
166	1214030158	Lê Mộng Như Quỳnh	Nữ	31/10/2003	0769851631	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
167	1214030163	Vũ Thành Tài	Nam	30/07/2003	0916235042	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
168	1214030178	Đặng Nguyễn Phương Thảo	Nữ	21/02/2003	0357913276	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
169	1214030196	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	19/11/2003	0908414065	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
170	1214030203	Nguyễn Minh Trà	Nữ	28/11/2003	0933660303	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
171	1214030208	Trần Lê Ngọc Trang	Nữ	23/12/2003	0333993013	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
172	1214030218	Vũ Phan Đan Tâm Trinh	Nữ	13/06/2003	0377134970	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
173	1214030226	Đinh Nguyễn Phương Uyên	Nữ	18/10/2003	0357401633	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
174	1214030228	Phạm Mỹ Uyên	Nữ	15/01/2003	0398879247	DH11NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
175	1214030029	Cao Huỳnh Hiền Diệu	Nữ	16/03/2003	0792626349	DH11NNAD	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
176	1214030149	Nguyễn Ngọc Uyên Phương	Nữ	31/10/2003	0827298377	DH11NNAD	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
177	1214030204	Lưu Huyền Trang	Nữ	06/01/2003	0834486149	DH11NNAD	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
178	1214030209	Lê Thị Thanh Trâm	Nữ	17/11/2003	0396729206	DH11NNAD	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
179	1214030019	Võ Văn Bằng	Nam	14/05/2003	0347714203	DH11NNAD	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
180	1214030079	Lê Sỹ Tuấn Kiệt	Nam	25/12/2003	0832504869	DH11NNAD	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
181	1214030055	Huỳnh Gia Hân	Nữ	24/09/2003	0915855238	DH11NNAE	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
182	1214030185	Nguyễn Ngọc Thuận	Nữ	21/06/2003	0377137094	DH11NNAE	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
183	1214030075	Đoàn Thị Lan Hương	Nữ	01/04/2003	0394667093	DH11NNAE	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
184	1214030110	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	Nữ	01/01/2003	0385708302	DH11NNAE	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400

185	1214030190	Trần Thị Thu Thủy	Nữ	25/01/2003	0377336609	DH11NNAE	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
186	1214030225	Đặng Ngọc Phương Uyên	Nữ	02/01/2003	0382020103	DH11NNAE	Ngôn ngữ Anh	Khóa 11	680.400
187	122143:21651	Hán Vũ Thùy Dung	Nữ	25/04/2003	0358460108	DH11STAA	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
188	1211120045	Trịnh Thị Giang	Nữ	07/08/2003	0394511150	DH11STAA	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
189	1211120105	Lê Hoài Nhi	Nữ	31/03/2003	0329953136	DH11STAA	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
190	1211120113	Phan Hồng Nhung	Nữ	04/11/2003	0985110124	DH11STAA	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
191	1211120133	Trần Lệ Như Quỳnh	Nữ	21/01/2003	0387541841	DH11STAA	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
192	1211120134	Trần Như Quỳnh	Nữ	18/11/2003	0393631743	DH11STAA	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
193	1211120169	Nguyễn Ngọc Minh Thư	Nữ	02/10/2003	0963870986	DH11STAA	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
194	1211120193	Nguyễn Ngọc Gia Uyên	Nữ	17/12/2003	0376659309	DH11STAA	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
195	1211120053	Nguyễn Xuân Hiệp	Nữ	30/07/2002	0798787767	DH11STAA	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
196	1211120061	Hoàng Ngọc Trúc Hương	Nữ	26/10/2003	0356002077	DH11STAA	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
197	1211120141	Phạm Thanh Tâm	Nữ	22/07/2003	0985650400	DH11STAA	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
198	1211120106	Lê Thị Ngọc Nhi	Nữ	25/11/2003	0769604596	DH11STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
199	1211120130	Bùi Thị Diễm Quỳnh	Nữ	24/08/2003	0383302677	DH11STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
200	1211120190	Nguyễn Quang Uy	Nam	04/01/2003	0977804373	DH11STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
201	1211120018	Trần Thanh Phương Anh	Nữ	11/02/2003	0974106244	DH11STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
202	1211120059	Trần Đức Huy	Nam	24/04/2003	0908197974	DH11STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
203	1211120062	Trịnh Nguyễn Quỳnh Hương	Nữ	26/10/2003	0785193837	DH11STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
204	1211120162	Phạm Đức Thịnh	Nam	26/08/2003	0932789899	DH11STAB	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
205	1211120013	Nguyễn Hải Anh	Nữ	05/09/2003	0983739721	DH11STAC	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
206	1211120015	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	26/11/2003	0356087362	DH11STAC	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
207	1211120023	Trần Duy ân	Nam	20/10/2003	0918276837	DH11STAC	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
208	1211120151	Nguyễn Bích Tuyền	Nữ	04/01/2003	0339008610	DH11STAC	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
209	1211120179	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	19/11/2003	0965160741	DH11STAC	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
210	1211120195	Nguyễn Thị Tường Vi	Nữ	25/01/2003	0857857436	DH11STAC	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
211	1211120088	Lê Kim Ngân	Nữ	24/01/2001	0766995862	DH11STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
212	1211120114	Tô Vi Hồng Nhung	Nữ	17/12/2003	0972510540	DH11STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
213	1211120127	Nguyễn Phạm Đăng Quang	Nam	24/11/2003	0329269107	DH11STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
214	1211120136	Hoàng Xuân Sanh	Nam	15/03/2003	0383401846	DH11STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
215	1211120160	Nguyễn Thanh Thiệu	Nam	18/09/2003	0379890390	DH11STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
216	1211120203	Lê Công Tài	Nam	05/04/2003	0386402511	DH11STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
217	1201120052	Hà Thị Thu Hương	Nữ	03/03/2002	0395758936	DH11STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
218	1211120040	Tạ Minh Dương	Nam	14/08/2003	0901429325	DH11STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
219	1211120044	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	05/06/2003	0937118162	DH11STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
220	1211120068	Nguyễn Thị Nam Liên	Nữ	10/12/2003	0969181627	DH11STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
221	1211120128	Phạm Văn Quang	Nam	07/08/2003	0389454484	DH11STAD	Sư phạm Tiếng Anh	Khóa 11	680.400
222	1224030013	Phạm Vũ Thụy Anh	Nữ	24/03/2004	0786387720	DH12NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400

223	1224030064	Nguyễn Ngọc Linh	Nữ	05/04/2004	0937604767	DH12NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400
224	1224030100	Khương Thanh Quản	Nam	16/10/2004	0382435282	DH12NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400
225	1224030121	Mai Quỳnh Thư	Nữ	07/03/2004	0769777703	DH12NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400
226	1224030145	Lê Hải Yến	Nữ	12/04/2004	0368193835	DH12NNAA	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400
227	1224030014	Trần Quỳnh Anh	Nữ	07/04/2004	0867685756	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400
228	1224030020	Lê Gia Bảo	Nam	19/05/2004	0932144687	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400
229	1224030065	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	25/07/2004	0333241823	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400
230	1224030074	Nguyễn Thảo My	Nữ	15/09/2004	0937731707	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400
231	1224030080	Đỗ Ngọc Trúc Ngân	Nữ	26/04/2004	0908897823	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400
232	1224030101	Lê Tú Quyên	Nữ	23/04/2004	0792999719	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400
233	1224030107	Nguyễn Hồng Tuyền	Nữ	27/01/2004	0967451924	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400
234	1224030116	Nguyễn Duy Thông	Nam	29/12/2004	0978370343	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400
235	1224030146	Nguyễn Hoàng Phi Yến	Nữ	01/03/2004	0948641463	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400
236	1224030140	Nguyễn Thị Thúy Vy	Nữ	25/09/2004	0326371170	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400
237	1224030071	Trần Ngọc Phương Mai	Nữ	21/08/2004	0818786879	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400
238	1224030098	Phan Gia Phước	Nam	23/11/2004	0976403341	DH12NNAB	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400
239	1214030164	Đỗ Quang Tâm	Nam	02/02/2003	0589009836	DH12NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400
240	1224030081	Lê Gia Ngân	Nữ	29/10/2004	0366066530	DH12NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400
241	1224030087	Cao Nguyễn Khôi Nguyên	Nam	03/01/2004	0933006160	DH12NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400
242	1224030114	Vũ Thị Thanh Thảo	Nữ	07/09/2004	0384405006	DH12NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400
243	1224030144	Trần Ngọc Như ý	Nữ	16/03/2004	0904190678	DH12NNAC	Ngôn ngữ Anh	Khóa 12	680.400

Biên Hòa, ngày 29 tháng 12 năm 2023

Lập bảng

Phòng Kế hoạch - Tài chính

Phạm Thị Mai Hiếu

Lê Văn Tuấn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI
Phòng Kế hoạch - Tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA THAM GIA BẢO HIỂM Y TẾ

Stt	MSSV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Số điện thoại	Lớp	Ngành	Hệ đào tạo	Khóa	BHYT
1	1204040001	Lê Ngọc Duy Anh	Nam	04/05/2002	0965415979	DH10NMT1	Khoa học MT	Chính quy	Khóa 10	680.400
2	1204040003	Nguyễn Ngọc Lan	Nữ	30/09/2002	0879163776	DH10NMT1	Khoa học MT	Chính quy	Khóa 10	680.400
3	1204040006	Nguyễn Thị Minh Trang	Nữ	15/09/2002	0348119384	DH10NMT1	Khoa học MT	Chính quy	Khóa 10	680.400
4	1204040004	Nguyễn Văn Quốc	Nam	18/12/2002	0931206329	DH10NMT1	Khoa học MT	Chính quy	Khóa 10	680.400
5	1204040005	Nguyễn Thiện Trí	Nam	05/05/2001	0353640804	DH10NMT1	Khoa học MT	Chính quy	Khóa 10	680.400
6	1204050010	Trần Thị Uyên Thư	Nữ	21/02/2001	0827505672	DH10NQD1	Quản lý đất đai	Chính quy	Khóa 10	680.400
7	1204050013	Lê Ngọc Anh	Nữ	28/04/2001	0528345604	DH10NQD1	Quản lý đất đai	Chính quy	Khóa 10	680.400
8	1204050014	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Nữ	15/05/2002	0857342655	DH10NQD1	Quản lý đất đai	Chính quy	Khóa 10	680.400
9	1204050021	Trần Minh Quân	Nam	19/11/2000	0945578357	DH10NQD1	Quản lý đất đai	Chính quy	Khóa 10	680.400
10	1204050007	Nguyễn Hoàng Phượng	Nữ	09/08/2002	0869818745	DH10NQD1	Quản lý đất đai	Chính quy	Khóa 10	680.400
11	1204050003	Lê Trần Thái Hoàng	Nam	28/09/2002	0944111159	DH10NQD1	Quản lý đất đai	Chính quy	Khóa 10	680.400
12	1204050016	Nguyễn Tiến Tài	Nam	23/04/2002	0396257476	DH10NQD1	Quản lý đất đai	Chính quy	Khóa 10	680.400
13	1204050001	Bùi Hoài Bảo	Nam	10/09/2002	0923345235	DH10NQD1	Quản lý đất đai	Chính quy	Khóa 10	680.400
14	1204050002	Nguyễn Vy Trung Hiếu	Nam	21/12/2002	0973287646	DH10NQD1	Quản lý đất đai	Chính quy	Khóa 10	680.400
15	1204050005	Đặng Hữu Thiện Nhân	Nam	14/10/2002	0786141002	DH10NQD1	Quản lý đất đai	Chính quy	Khóa 10	680.400
16	1204050012	Phan Ngọc Phương Vy	Nữ	27/12/2002	0848202712	DH10NQD1	Quản lý đất đai	Chính quy	Khóa 10	680.400
17	1204050019	Lý Kim Yến	Nữ	28/02/2000	0963145378	DH10NQD1	Quản lý đất đai	Chính quy	Khóa 10	680.400
18	1204050020	Nguyễn Hữu Thanh	Nam	14/08/2002	0372855167	DH10NQD1	Quản lý đất đai	Chính quy	Khóa 10	680.400

Biên Hòa, ngày 29 tháng 12 năm 2023

Lập bảng

Phạm Thị Mai Hiếu

Phòng Kế hoạch - Tài chính

Lê Văn Tuấn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI
Phòng Kế hoạch - Tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA THAM GIA BẢO HIỂM Y TẾ

Stt	MSSV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Số điện thoại	Lớp	Ngành	Khóa	Học phí
1	120106771	Lê Hoàng ánh	Nữ	27/10/2002	0933479696	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
2	1201060010	Trần Hà Anh Hào	Nam	09/04/2002	0778860236	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
3	1201060039	Ngô Minh Tiến	Nam	25/12/2002	0898408854	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
4	1201060040	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	18/05/2002	0975915813	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
5	1201060002	Hoàng Mai Anh	Nữ	29/04/2002	0967928469	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
6	1201060003	Phương Đàm Minh Anh	Nữ	19/05/2002	0938513105	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
7	1201060005	Đỗ Bạch Ngự Bình	Nữ	21/05/2002	0376181085	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
8	1201060007	Nguyễn Ngọc Phụng Diệp	Nữ	27/04/2001	0378034483	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
9	1201060009	Trần Thụy Hương Giang	Nữ	23/08/2002	0707023704	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
10	1201060012	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	Nữ	11/10/2002	0327682239	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
11	1201060013	Vũ Đoàn Ngọc Hiếu	Nữ	15/12/2002	0368619228	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
12	1201060015	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	04/03/2002	0374440325	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
13	1201060018	Võ Hoài Diễm Hương	Nữ	20/01/2002	0968076125	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
14	1201060022	Dư Kim Ngân	Nữ	20/10/2002	0944185383	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
15	1201060025	Lê Huỳnh Đông Nguyên	Nữ	11/11/2002	0853734312	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
16	1201060027	Nguyễn Thanh Nhật	Nam	05/08/2002	0792764152	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
17	1201060028	Nguyễn Đỗ Yến Nhi	Nữ	24/01/2002	0354985046	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
18	1201060031	Mai Thảo Chúc Như	Nữ	16/06/2002	0366954516	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
19	1201060032	Vũ Thị Kim Oanh	Nữ	07/07/2002	0362079805	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
20	1201060033	Đinh Kim Phụng	Nữ	20/02/2002	0338521583	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
21	1201060034	Nguyễn Thị Thanh Phụng	Nữ	08/08/2002	0964658743	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
22	1201060035	Hoàng Thị Thu Phương	Nữ	15/01/2002	0963813942	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
23	1201060036	Phạm Thu Phương	Nữ	07/09/2002	0983088432	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
24	1201060037	Trịnh Phạm Minh Phương	Nữ	06/08/2002	0589336478	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
25	1201060042	Chu Quốc Thuận	Nam	31/10/2001	0582414506	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
26	1201060044	Nguyễn Nhật Anh Thư	Nữ	03/10/2002	0962953829	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
27	1201060045	Phạm Phan Hồng Thứ	Nữ	09/06/2002	0933605582	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
28	1201060047	Đỗ Phạm Hạ Vy	Nữ	29/10/2002	0962566074	DH10SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 10	680.400
29	1201080002	Võ Lê Hoàng	Nam	28/10/2002	00366447945	DH10SSU1	Sư phạm Lịch sử	Khóa 10	680.400
30	1201080003	Vũ Ngọc Phúc	Nam	08/04/2002	0937863549	DH10SSU1	Sư phạm Lịch sử	Khóa 10	680.400
31	1201080008	Lê Thanh Ngân	Nữ	23/09/2002	0364283773	DH10SSU1	Sư phạm Lịch sử	Khóa 10	680.400
32	1201080007	Lê Ngọc Mai	Nữ	19/05/2002	0393352946	DH10SSU1	Sư phạm Lịch sử	Khóa 10	680.400
33	1201080010	Hoàng Quang Việt	Nam	22/07/2001	7524574237	DH10SSU1	Sư phạm Lịch sử	Khóa 10	680.400

34	1211060008	Ngô Thành Đạt	Nam	05/01/2003	0945928579	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	680.400
35	1211060016	Đỗ Tuấn Kiệt	Nam	13/02/2003	0965530675	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	680.400
36	1211060017	Trần Thị Mai Khanh	Nữ	26/02/2003	0793916979	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	680.400
37	1211060021	Trần Nguyễn Gia Linh	Nữ	10/07/2003	0941629672	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	680.400
38	1211060022	Trần Phạm Khánh Linh	Nữ	14/11/2003	0374813378	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	680.400
39	1211060023	Hứa Như Mẫn	Nữ	30/11/2003	0853487407	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	680.400
40	1211060031	Nguyễn Lê Tuyết Nhi	Nữ	24/10/2003	0899304775	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	680.400
41	1211060037	Nguyễn Tấn Tài	Nam	26/09/2003	0794036318	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	680.400
42	1211060049	Nguyễn Khương Vi	Nữ	19/05/2003	0369935302	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	680.400
43	1211060052	Nguyễn Thảo Vy	Nữ	26/12/2003	0368933080	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	680.400
44	1211060029	Trịnh Thanh Nhàn	Nữ	05/09/2003	0338122593	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	680.400
45	1211060002	Hồ Thị Phương Anh	Nữ	13/09/2003	0867448724	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	680.400
46	1211060011	Trần Thu Hằng	Nữ	10/12/2003	0364234144	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	680.400
47	1211060012	Hoàng Thanh Hậu	Nữ	23/04/2003	0352073437	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	680.400
48	1211060018	Trương Ngọc Kim Khánh	Nữ	14/06/2003	0983174964	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	680.400
49	1211060020	Nguyễn Phạm Nhất Linh	Nam	30/03/2003	0979953609	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	680.400
50	1211060024	Nguyễn Ngọc Minh	Nam	18/09/2003	0334843133	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	680.400
51	1211060045	Vũ Trần Minh Thư	Nữ	14/10/2003	0332088113	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	680.400
52	1211060046	Lê Thị Hoàng Trinh	Nữ	10/10/2003	0962575341	DH11SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 11	680.400
53	1211080014	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	04/04/2003	0335213802	DH11SSU1	Sư phạm Lịch sử	Khóa 11	680.400
54	1211080018	Đỗ Hà Hải Tâm	Nữ	05/05/2003	0338138872	DH11SSU1	Sư phạm Lịch sử	Khóa 11	680.400
55	1221060011	Phạm Minh Huân	Nam	07/09/2004	0856363995	DH12SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 12	680.400
56	1221060017	Đinh Phạm Cẩm Ly	Nữ	09/02/2004	0834074419	DH12SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 12	680.400
57	1221060027	Ngô Anh Quân	Nam	04/12/2004	0394003616	DH12SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Khóa 12	680.400
58	1221080010	Lê Thị Mỹ Tâm	Nữ	22/08/2004	0976386518	DH12SSU1	Sư phạm Lịch sử	Khóa 12	680.400
59	1221080015	Đặng Lê Gia Vĩ	Nam	07/03/2004	0359068009	DH12SSU1	Sư phạm Lịch sử	Khóa 12	680.400

Σ = 578

Biên Hòa, ngày 29 tháng 12 năm 2023

Lập bảng

Phòng Kế hoạch - Tài chính

Phạm Thị Mai Hiếu

Lê Văn Tuấn